TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2026/DS-PT
Ngày: 26 – 01 - 2026
V/v Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Dũng và bà Nguyễn Thị Thủy Tiên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Chăm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Cơ sở 1) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 377/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 685/2025/QĐ-PT ngày 11/12/2025; Thông báo về việc hoãn phiên tòa phúc thẩm số 03/TB-TA ngày 17/12/2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/TB-TA ngày 06/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố C, phường P, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Út H, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố E T, phường L, tỉnh Lâm Đồng. (Theo Hợp đồng ủy quyền được công chứng tại Văn phòng C1 ngày 25/10/2024). (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố E T, phường L, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị P, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị Minh N1, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố M, phường P, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

3.3. Bà Chiêm Xái N2, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ dân phố T T, phường L, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

3.4. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố C T, phường L, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Vào ngày 20/12/2022, bà T có vay của bà Nguyễn Thị Minh N1 số tiền 200.000.000 đồng. Khi cho vay, bà N1 yêu cầu bà T phải lập hợp đồng ủy quyền, theo đó ủy quyền cho bà N1 được toàn quyền định đoạt đối với thửa đất số 79b, tờ bản đồ số 12, diện tích 48,1m², tọa lạc tại khu phố C, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 644649 do UBND thị xã L cấp ngày 07/3/2008. Hợp đồng ủy quyền này được lập tại Văn phòng C1. Khi ký kết, bà N1 có hứa rằng sau khi bà T hoàn tất nghĩa vụ trả nợ, bà N1 sẽ hoàn trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Do điều kiện kinh tế khó khăn, bà T chưa thể trả đủ số tiền vay đúng hạn nên có xin gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 21/5/2024, và bà N1 đã đồng ý. Tuy nhiên, sau đó, bà T phát hiện bà N1 đã ủy quyền lại cho bà Trần Thị P, và bà P tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị N. Hiện nay, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được sang tên cho bà N.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị N được lập ngày 21/12/2022, đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh H1 công chứng theo số công chứng No-5080, quyển số 12/2022 TP/CC-SCC/HĐGD.

- Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả lại cho bà T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 644649 do UBND thị xã L cấp ngày 07/3/2008.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị N có yêu cầu phản tố trình bày: Ngày 21/12/2022, thông qua người môi giới, bà Nguyễn Thị N có nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị T (Thông qua người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị P) quyền sử dụng thửa đất số 79B, tờ bản đồ số 12, diện tích 48,1m², loại đất trồng cây hàng năm, tọa lạc tại khu phố C, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AK 644649 do UBND thị xã L cấp ngày 07/3/2008, cập nhật biến động ngày 13/10/2022. Giá chuyển nhượng là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Hợp đồng chuyển nhượng được Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh H1, tỉnh Bình Thuận chứng nhận vào ngày 21/12/2022, theo số công chứng 5080. Sau khi ký hợp đồng, bà N đã thanh toán cho bà Trần Thị P số tiền 675.500.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) bằng hình thức chuyển khoản, phần còn lại 324.500.000 đồng (Ba trăm hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) bà thanh toán bằng tiền mặt. Bà P cùng người môi giới đã trực tiếp dẫn bà N đến hiện trạng đất để bàn giao thực địa. Đến ngày 12/10/2023, bà N đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L cập nhật biến động và sang tên bà trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, bà tiến hành thủ tục đo đạc để cấp đổi giấy chứng nhận mới, thì phát sinh việc gia đình bà Trần Thị T đến ngăn cản, tranh chấp quyền sử dụng đất. Do thời điểm đó bà N phải đi nước ngoài, nên chưa kịp thực hiện các thủ tục pháp lý để giải quyết tranh chấp với bà T. Nay, bà N xác định việc nhận chuyển nhượng của mình là hoàn toàn hợp pháp, nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số No-5080 được công chứng tại Văn phòng C1 ngày 21/12/2022 có hiệu lực.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chiêm Xái N2 trình bày: Tháng 10/2022, bà N2 có thuê của bà Trần Thị Tuyết T1 đất số 79B, tờ bản đồ số 12, diện tích 48,1m², tại khu phố C, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Nay là khu phố C, phường P, tỉnh Lâm Đồng), có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 644649 do UBND thị xã L cấp ngày 07/3/2008. Giá thuê 800.000 đồng/tháng, thời gian thuê là 05 năm. Hàng tháng, bà N2 đều giao đủ tiền thuê đất cho bà T. Bà N2 thuê thửa đất trên để buôn bán (Bò lá lốt), thời gian bán từ 14 giờ đến khi hết hàng. Hiện nay, bà N2 được biết thửa đất đang thuê đang bị tranh chấp. Từ ngày thuê đất đến nay, chỉ có bà T (Chủ sử dụng đất) liên lạc với bà N2 để lấy tiền thuê đất, ngoài ra bà N2 không biết ai khác. Đồng thời, từ trước đến nay, cũng không có ai đến tranh chấp hay yêu cầu bà N2 trả lại đất.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S trình bày: Vào tháng 12/2022, bà P có liên hệ với ông S nói rằng bà có nhu cầu bán một thửa đất ở khu phố C, phường P, thị xã L (cũ) với giá 1.100.000.000 đồng. Sau

đó, ông S đã liên hệ với bà N và báo giá, nhưng bà N không đồng ý. Bà N trả giá thửa đất xuống 1.000.000.000 đồng. Tiếp đó, ông S bàn bạc lại với bà P để giảm giá xuống 1.000.000.000 đồng thì bà N đồng ý mua. Sau khi thống nhất giá, vào ngày 21/12/2022, bà P và bà N cùng ông S xuống Văn phòng C1 để lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi lập hợp đồng chuyển nhượng, bà N có thắc mắc vì sao không phải chủ đất ký, nhưng công chứng viên đã giải thích rằng hợp đồng ủy quyền của bà P là hợp đồng ủy quyền toàn quyền, nên hoàn toàn có thể ký hợp đồng chuyển nhượng với bà N. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà N đã chuyển khoản cho bà P số tiền sáu trăm mấy chục triệu đồng (Ông S không nhớ cụ thể). Do bà N không đủ tiền để chuyển khoản, nên bà N, bà P và ông S về nhà bà N để bà N lấy tiền mặt thanh toán số tiền còn lại cho bà P. Sau khi bàn giao tiền xong, mọi người cùng nhau xuống đất để bàn giao thửa đất. Khi bàn giao, thửa đất là đất trống, không có ai ở.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, quyết định:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Khoản 2 Điều 92; Điều 102; Khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117; Điều 500; Điều 501; Điều 502 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 27; Điểm a khoản 1 Điều 45 của Luật Đất đai năm 2024.

Căn cứ vào khoản 3, khoản 5 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị N được lập ngày 21/12/2022, đã được Văn phòng C1 công chứng theo số công chứng No-5080, quyển số 12/2022 TP/CC-SCC/HĐGD và yêu cầu trả lại cho bà T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 644649 do UBND thị xã L cấp ngày 07/3/2008.

[2.2] Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn: Xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị N được lập ngày 21/12/2022, đã được Văn phòng C1 công chứng theo số công chứng No-5080, quyển số 12/2022 TP/CC-SCC/HĐGD có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/8/2025, Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu kháng cáo. Xác định Hợp đồng ủy quyền giữa bà T và bà Nguyễn Thị Minh N1 là giả tạo, nhằm che dấu Hợp đồng vay tài sản do bà T và bà N1 có ký hợp đồng cầm cố tài sản ngày 20/12/2022. Do đó Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cũng bị vô hiệu cần phải hủy. Yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố, không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là hoàn toàn có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét nội dung đơn kháng cáo của đương sự; Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe kiểm sát viên phát biểu ý kiến. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T và bị đơn bà Nguyễn Thị N; Yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả lại cho bà Trần Thị Tuyết bản C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn bà Nguyễn Thị N có yêu cầu phản tố đề nghị xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị N có hiệu lực pháp luật. Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng

thụ lý và giải quyết tranh chấp giữa các đương sự là đúng thẩm quyền tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Minh N1, bà Trần Thị P và bà Chiêm X Nghiến vắng mặt. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, các đương sự tiếp tục vắng mặt đến lần thứ hai, trong đó bà Chiêm Xái N2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị T, HĐXX nhận thấy: Bà Trần Thị T đã lập Hợp đồng ủy quyền ngày 20/12/2022 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Minh N1 với nội dung tại Điều 2: "Được quyền quản lý, sử dụng, đăng ký biến động thửa đất; Đăng ký biến động thông tin của chủ sử dụng; Tách thửa, hợp thửa, gia hạn, chuyển mục đích sử dụng đất; Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Ký kết hợp đồng đặt cọc, chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn, cho thuê, thế chấp; Hủy bỏ các giao dịch nêu trên; Nhận tiền đền bù; Thương lượng giá cả và nhận tiền; Giải quyết tranh chấp ranh giới; Nộp các loại thuế, lệ phí...". Hợp đồng này thể hiện bà N1 được quyền ủy quyền lại cho bên thứ ba với cùng nội dung. Thời hạn ủy quyền là 01 năm. Ngày 21/12/2022, bà N1 tiếp tục ủy quyền lại cho bà Trần Thị P. Sau đó, bà P đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị N. Đến thời điểm hiện tại, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 644649 đã được chỉnh lý, cập nhật sang tên bà N.

[4] Xét nội dung Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/12/2022 giữa bà N và bà P là hợp pháp bởi việc bà T ủy quyền cho bà N1 được toàn quyền với thửa đất là ý chí của bà T, đồng thời bà T lại đồng ý cho bà N1 được ủy quyền lại. Như vậy bà T phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm với ủy quyền của mình cho bà N1. Bà T không đưa ra chứng cứ hợp lý để xác định bị đe dọa, ép buộc hay giả tạo. Hợp đồng ủy quyền giữa bà T và bà N1 không thể hiện việc bà N1 cho bà T vay tiền, hay ủy quyền là hình thức của cầm cố. Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 20/12/2022 giữa bà T với bà N1 không thể hiện việc bà T ủy quyền cho bà N1 để bảo đảm cho khoản vay 200.000.000 đồng. Ngoài ra phần thời gian hiệu lực của hợp đồng cầm cố tài sản đã bị chỉnh sửa. Vì vậy, không có chứng cứ nào thể hiện mối liên hệ giữa hai hợp đồng cầm cố và hợp đồng ủy quyền giữa bà N1 và bà T. Do đó việc bà T ủy quyền cho bà N1, bà N1 ủy quyền cho bà P, tiếp theo khi bà P ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà N thì bà N1, bà T phải chịu trách nhiệm về việc ủy quyền của mình. Bà N là bên thứ ba ngay tình, không biết và cũng không thể biết rằng người ký hợp đồng chuyển nhượng với mình không có quyền định đoạt tài sản. Do đó, quyền lợi của bà N cần được bảo vệ theo quy định pháp luật.

[5] Các đương sự đều là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng lập đúng hình thức, nội dung tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được công chứng hợp pháp có giá trị pháp lý không phải chứng minh. Do đó các đương sự tự tham gia giao dịch dân sự thì phải tự chịu trách nhiệm về các giao dịch mình đã tham gia ký kết. Giữa bà T, bà N1, bà P có tranh chấp về hợp đồng vay tiền, hợp đồng cầm cố và về hậu quả của việc ủy quyền thì có quyền khởi kiện trong vụ án dân sự khác.

[6] Như vậy, qua xem xét toàn bộ quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, thể hiện tại hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết . Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 11/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

2. Căn cứ:

- Điều 147, Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 117, Điều 130, Điều 500, Điều 501, Điều 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 167, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Tuyên xử:

3.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị N được lập ngày 21/12/2022, đã được Văn phòng C1 công chứng theo số công chứng No-5080, quyển số 12/2022 TP/CC-SCC/HĐGD và

yêu cầu trả lại cho bà T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 644649 do UBND thị xã L cấp ngày 07/3/2008.

3.2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn: Xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị N được lập ngày 21/12/2022, đã được Văn phòng C1 công chứng theo số công chứng No-5080, quyển số 12/2022 TP/CC-SCC/HĐGD có hiệu lực pháp luật.

3.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0011868 ngày 16/10/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi thu (Bà T đã nộp đủ).

3.4. Về chi phí tố tụng: Bà T phải tự chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. (Bà T đã nộp đủ).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002865 ngày 03/9/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thành án phí.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 26/01/2026).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND, VKSND KV 15 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV 15 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Cổng TTĐT-TANDTC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS; Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Phương